TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/HS-ST.
Ngày: 04 - 7 -2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

Ông Lê Hoàng Quy.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 70/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Minh T, sinh năm 1986 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: tổ 16, khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; trình độ học vấn: Không biết chữ; nghề nghiệp: Không; con ông Trần Văn L , sinh năm 1960 (đã chết) và bà Ngô Thị Hồng O , sinh năm 1966; chưa có vợ con;

Tiền sự: Không;

Tiền án: + Năm 2012 bị Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 10 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 156/HSST ngày 28/8/2012.

+ Năm 2014 bị Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 15 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 30/HSST ngày 26/02/2014, chấp hành xong tại Trại giam Huy Khiêm ngày 05/02/2015.

+ Năm 2016 bị Toà án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử 02 năm 06 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 52/HSST ngày 22/9/2016, chấp hành xong tại Trại giam Xuyên Mộc ngày 24/7/2018.

Nhân thân: Năm 2009, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 06 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 61/2009/HSST ngày 20/01/2009. Đã chấp hành xong ngày 09/4/2009 tại trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai.

Bị tạm giữ từ ngày 28/02/2019 chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành.

2. Phùng Thị Ngọc Th, sinh năm 1963 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: 163E, khu phố D, thị trấn E, huyện G, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; nghề nghiệp: Không; con ông Phùng T , sinh năm 1942 (đã chết) và bà Trần Thị Thư H , sinh năm 1942; có chồng và 04 con, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1996;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Năm 2018 bị Toà án nhân dân thành phố C – Vũng Tàu xét xử 09 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 02/2018/HSST ngày 12/01/2018, chấp hành xong ngày 27/6/2018 tại Trại giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 27/6/2018.

Nhân thân: + Năm 1984 bị Toà án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù giam về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản riêng của công dân" theo Bản án số 13/HSST ngày 13/8/1984, đã chấp hành xong (Căn cứ bản án số 43/HSST ngày 27/7/1988 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay không xác định được Tòa án nhân dân huyện Long Đất nên không Th thập được tài liệu).

+ Năm 1988 bị Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 18 tháng tù giam về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản riêng của công dân" theo Bản án số 43/HSST ngày 27/7/1988, chấp hành xong tại Trại quản lý cải tạo phạm nhân K4 – Công an tỉnh Đồng Nai ngày 14/11/1989.

+ Năm 2002 bị Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử 12 tháng tù giam về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Bản án số 06/HSST ngày 11/01/2002, chấp hành xong tại Trại giam Xuân Lộc ngày 27/7/2002.

+ Năm 2003 bị Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử 18 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Bản án số 198/HSST ngày 30/12/2003. Chấp hành xong tại Trại giam Tống Lê Chân ngày 25/01/2005.

+ Năm 2006 bị Toà án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử 03 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 18/2006/HSST ngày 05/4/2006, chấp hành xong tại Trại giam Xuân Lộc ngày 06/10/2008.

+ Năm 2012 bị Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử 03 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 156/2012/HSST ngày 28/8/2012, chấp hành xong tại Trại giam Thủ Đức ngày 10/02/2013.

Bị tạm giữ từ ngày 28/02/2019 chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành.

- *Bị hại*: Chị Lê Thị Kim N, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 4, khu M, thị trấn N, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Ngô Thị Hồng O, sinh năm 1966.

Địa chỉ: tổ 16, khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Các bị cáo, bà O có mặt, chị N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Trần Minh T và Phùng Thị Ngọc Th là những người không có nghề nghiệp và quen biết với nhau đã từ lâu. Vào lúc 18 giờ ngày 27/02/2019 T và Th rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Lúc 08 giờ ngày 28/02/2019 T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 72K1-114.82 chở Th đến Shop quần áo G thuộc tổ 17, khu p, thị trấn M , huyện L , tỉnh Đồng Nai, cả hai đi vào tiệm giả vờ mua quần áo làm cho chủ tiệm mất tập trung để trộm cắp tài sản. Tại đây cả hai phát hiện chị Lê Thị Kim N là khách mua quần áo để 01 bóp da màu đỏ trên bàn trưng quần áo. Lợi dụng lúc chị N đang mua quần áo, Th đứng che tầm nhìn của mọi người, còn T đứng sau lưng Th mở dây kéo bóp da của chị N trộm cắp số tiền 18.000.000 đồng và 4.000 USD, xong vội đi ra bên ngoài. Chị N cầm cái bóp da lên thấy khóa bị mở và kiểm

tra thì phát hiện bị mất tiền nên tri hô mọi người bắt giữ T và Th giao Công an huyện Long Thành xử lý.

Vật chứng Th giữ: 01 xe mô tô HonDa Airblade biển số 72K1-114.82, 01 điện thoại hiệu Iphone 5S màu bạc trên người của T, 01 điện thoại hiệu Samsung G530 màu vàng trên người của Th, 18.000.000 đồng và 4.000 USD.

Căn cứ vào tỷ giá USD và giá Việt Nam Đồng ngày 28/02/2019 của Ngân hàng F, kết luận: Giá USD tại thời điểm trộm cắp là 23.250 đồng/01USD, kết luận 4.000 USD là 93.000.000 đồng.

Trước Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, các bị cáo chưa thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải.

Tại bản Cáo trạng số: 76/CT-VKSLT ngày 28/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Trần Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Phùng Thị Ngọc Th về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ Th thập được tại hồ sơ vụ án, do đó cáo trạng của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo N tại cáo trạng.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo:

+ Về tình tiết tăng nặng: Đối với bị cáo T: Không có; Đối với bị cáo Th: Tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

+ Tình tiết giảm nhẹ: Đối với bị cáo T: Bị cáo chưa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên không được xem xét. Đối với bị cáo Th: Mặc dù tại cơ quan Điều tra chưa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải Nng tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Trần Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Phùng Thị Ngọc Th về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Minh T mức án từ 4 (bốn) năm đến 5 (năm) năm tù;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phùng Thị Ngọc Th mức án 4 (bốn) năm đến 5 (năm) năm tù;

Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô Honda hiệu Airblade biển số 72K1-114.82, hiện cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau do chưa xác định được chủ sở hữu; Đối với 01 điện thoại hiệu Iphone 5S màu bạc của T, 01 điện thoại hiệu Samsung G530 màu vàng của Th là công cụ để cả hai liên lạc đi trộm cắp tài sản đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện L . Đề nghị tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Hồng O: Bà là mẹ của bị cáo T. Bị cáo Th là bạn của bà. Bà mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho T.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại là chị Lê Thị Kim N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét bị hại đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm, sự vắng mặt của bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử và đại diện Viện kiểm sát đề nghị vẫn tiến hành xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo T và Th đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ Th thập được tại hồ sơ vụ án và cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, nên có cơ sở xác định: Lúc 08 giờ ngày 28/02/2019 tại Shop quần áo G thuộc tổ 17, khu Phước Hải, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, Trần Minh T và Phùng Thị Ngọc Th có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Lê Thị Kim N số tiền 18.000.000 đồng và 4.000 USD. Tổng số tiền bị chiếm đoạt là 111.000.000 đồng. Đối với bị cáo T đã có ba tiền án chưa được xóa án tích nay bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên Thộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật

hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Đối với bị cáo Phùng Thị Ngọc Th phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) N cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội ở địa phương. Mặc dù, các bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử nhiều lần về các tội xâm phạm sở hữu Nng sau khi chấp hành xong thì các bị cáo vẫn không sửa chữa sai lầm, các bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật Nng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân mà lại lười lao động nên các bị cáo vẫn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo. Nên đối với các bị cáo cần có mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: Xét các bị cáo mặc dù đã có sự thống nhất trước việc thực hiện hành vi phạm tội Nng sự câu kết chưa đến mức chặt chẽ nên đây chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T là người chuẩn bị phương tiện chở bị cáo Th đi trộm cắp tài sản và là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị N, bị cáo Th hoàn toàn phụ Thộc bị cáo T về địa điểm để trộm cắp tài sản, bị cáo T chưa thực sự thành khẩn khai báo nên bị cáo phải nhận mức hình phạt cao hơn bị cáo Th. Đối với bị cáo Th, đáng lẽ khi bị cáo T chở bị cáo đi trộm cắp tài sản, bị cáo phải từ chối và khuyên can bị cáo T từ bỏ ý định phạm tội Nng ngược lại bị cáo đã đồng ý và tích cực tham gia thực hiện tội phạm, tuy nhiên bị cáo đã thành khẩn khai báo nên bị cáo được giảm nhẹ một phần hình phạt.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Trần Minh T: Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Đối với bị cáo Phùng Thị Ngọc Th: Phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo T: Mặc dù đã khai nhận hành vi phạm tội Nng chưa thực sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên không được xem xét. Đối với bị cáo Th: Mặc dù tại cơ quan Điều tra chưa chưa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải Nng tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô Honda hiệu Airblade biển số 72K1-114.82 là xe do bà Ngô Thị Hồng O (mẹ của T) mua lại của Huỳnh Ngọc Thúy Lan (tiệm cầm đồ), bà O không biết T lấy xe để đi trộm cắp tài sản, hiện cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau do chưa xác định được chủ sở hữu nên không xem xét trong vụ án này; Đối với 01 điện thoại hiệu Iphone 5S màu bạc của T, 01 điện thoại hiệu Samsung G530 màu vàng của Th là công cụ để cả hai liên lạc đi trộm cắp tài sản nên tịch Th sung công quỹ nhà nước theo quy định tại các Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Minh T, Phùng Thị Ngọc Th phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Minh T 4 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 28/02/2019.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phùng Thị Ngọc Th 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 28/02/2019.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch Th, sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu bạc, 01 điện thoại di động hiệu Samsung G530 màu vàng. (Toàn bộ vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện L đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/5/2019).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Trần Minh T, Phùng Thị Ngọc Th, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bà O được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- VKSND H.Long Thành;
- VKSND T. Đồng Nai;
- Công an H.Long Thành;
- Nhà tạm giữ CA H.Long Thành;
- CCTHA H.Long Thành;
- Sở tư pháp T.Đồng Nai.
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu.

Trần Thị Thanh Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Hoa